

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HSST
Ngày 23/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Tuyết Mai.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Mai Khương.

+ Ông Phan Thành Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

- Phan Văn Hoàng V, Sinh năm 1999.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 12, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hóa: 8/12, dân tộc kinh; tôn giáo không, quốc tịch Việt Nam;

Con ông Phan Văn L (1972) và bà Đặng Thị M (1967);

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự không.

Nhân thân: Ngày 05/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 05/LBBC-CQĐT ngày 31/01/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2019. Có mặt tại phiên tòa.

- Tổng Xuân N, Sinh năm 1997.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 15, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam;

Nghề nghiệp: Thợ hồ;

Trình độ văn hóa: 7/12, dân tộc kinh; tôn giáo không, quốc tịch Việt Nam;

Con ông Tổng Xuân M (1974) và bà Phan Thị H (1971);

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 anh em, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Nguyễn Văn Th, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 9, Thanh Ly 1, xã B, huyện T, Quảng Nam.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Phan Văn L, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Tổ 12, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 24/12/2018, Tống Xuân N (sinh năm: 1997) và Phan Văn Hoàng V (sinh năm: 1999) cùng trú thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam đi chơi game tại thị trấn H. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, N và V rủ nhau xuống ngã tư H để ăn khuya. Sau khi ăn xong, V điều khiển xe mô tô BKS 92C1- 016.23 (xe này của ông Phan Văn L, sinh năm 1972 – cha ruột V) chở N về nhà ở xã B trên tuyến Quốc lộ 1A, hướng H – B. Trên đường đi, V rủ N đến khu vực Trảng (thuộc Tổ 9, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam) để bắt trộm gà bán lấy tiền chơi game thì được N đồng ý. Khi đến khu vực Trảng, V dựng xe sau đó V và N đi bộ tìm nhà dân có gà để bắt trộm. V và N đột nhập vào vườn nhà anh Nguyễn Văn T (sinh năm: 1998, trú tại: thôn T, xã B) tìm xung quanh vườn nhưng không thấy gà nên tìm cách đột nhập vào bên trong nhà anh T để trộm cắp tài sản khác. V và N đi đến cửa hông sau nhà anh T, V thò tay phải vào mở chốt khóa cửa hông. Tiếp đó, V đi vào bên trong nhà anh T thì phát hiện có 01 máy tính xách tay (màu đen, nhãn hiệu DELL Latitude E6430) đang để trên bàn trong phòng ngủ nên V quay lại cửa hông nơi N đang đứng canh giới, V rủ N đi vào trộm máy tính xách tay trên thì N đồng ý. Sau đó, V và N đi đến phòng ngủ nơi để máy tính, V đi vào trong phòng còn N đứng sát cửa phòng ngủ. Khi V dùng tay nâng máy tính xách tay lên cầm trên tay và rút dây điện của máy tính đang sạc ra khỏi ổ cắm thì anh T thức giấc phát hiện và tri hô. Nghe tiếng anh T tri hô, V bỏ lại chiếc máy tính xách tay trên bàn và cùng với N bỏ chạy. N bị vướng dây điện trong nhà nên bị anh T đuổi kịp và bắt giữ, V chạy thoát ra ngoài lấy xe mô tô BKS 92C1-016.23 đi về nhà.

Quá trình điều tra, Tống Xuân N và Phan Văn Hoàng V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên của mình.

Ngoài ra, Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N khai nhận, vào rạng sáng ngày 20/12/2018, V và N đột nhập vào nhà ông Lê Văn C (sinh năm: 1965, trú: Tổ 3, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam) trộm cắp 02 con gà. Đến khoảng 04 giờ ngày 20/12/2018, Vũ và Nam đem số gà trên bán cho bà Võ Thị Thu S (sinh năm: 1972, trú: Tổ 12, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam) được 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Máy tính Laptop, nhãn hiệu DELL Latitude E6430 trị giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 04/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 02 (hai) con gà kiến, trọng lượng mỗi con 1,5 kg trị giá 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 20/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; đối với Phan Văn Hoàng V được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn Hoàng V từ 06 đến 09 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/02/2019. Đối với Tống Xuân N áp dụng các Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015; xử phạt Tống Xuân N từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tống Xuân N về UBND xã B, huyện T nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Phan Văn Hoàng V thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, xin lỗi gia đình bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Tống Xuân N thấy sai, rất ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N thừa nhận vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N đã trộm cắp một máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Latitude E6430 của anh Nguyễn Văn T (trú: Thanh Ly 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam). Giá trị tài sản mà Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe bị cáo và tạo tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Qua toàn bộ diễn biến phiên tòa thì thấy các bị cáo Phan Văn Hoàng V, Tống Xuân N chỉ rủ rê cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chứ không có sự cấu kết chặt chẽ, không có bàn bạc, phân công vai trò trách nhiệm của từng bị cáo cũng như việc tiêu thụ tài sản trộm cắp nên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn trong vụ án. Bị cáo Phan Văn Hoàng V là người rủ rê bị cáo Tống Xuân N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo Tống Xuân N thực hiện tích cực nên mức án của bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N bằng nhau.

Tuy nhiên, đối với bị cáo Phan Văn Hoàng V đã một lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo Tống Xuân N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, hoàn cảnh gia đình các bị cáo có khó khăn nhất định. Bị cáo Tống Xuân N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với Phan Văn Hoàng V theo các Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Đối với Tống Xuân N áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo N có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng.

Đối với hành vi của Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N trộm cắp 02 con gà kiến của ông Lê Văn C trị giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

năm 2015, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N là thỏa đáng.

Chiếc xe mô tô BKS 92C1 – 016.23 là tài sản hợp pháp của ông Phan Văn L, khi V sử dụng xe mô tô BKS 92C1 – 016.23 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông L không biết. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không thu giữ, xử lý đối với xe mô tô trên là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T và ông Lê Văn C không yêu cầu Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N bồi thường về dân sự, không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

[6] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

- Đối với Phan Văn Hoàng V áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Đối với Tống Xuân N áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Hoàng V 06 (sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/02/2019.

Xử phạt Tống Xuân N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tống Xuân N về UBND xã B, huyện T nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc bị cáo Phan Văn Hoàng V và Tống Xuân N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng y*) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và người liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Quách Thị Tuyết Mai

